

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

STT	Nguyên tắc QTCT	Nội dung	Tham chiếu	Nguồn đánh giá_mới	Tính chất
1	A	Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên?	Khoản 3 Điều 132 Luật DN	Website công ty/ Website SGDCK/ Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên	TT
2	A	ĐHĐCĐ thường niên của công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng nếu có xin gia hạn không?	Điều 8 NĐ71, Điều 136 Luật DN	Tài liệu/ Biên bản ĐHĐCĐ/ Website công ty/ Website SGDCK	TT
3	A	Website công ty có công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ không (bộ tài liệu tiêu chuẩn) bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS/ UBKT (file phải mở được, có nội dung)	Khoản 4 Điều 139 Luật DN	Website công ty/ Website SGDCK	TT
4	A	Trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến trong thời gian trước ngày tham dự đại hội về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C); CG Code 9.2.2	Thư mời tham dự ĐHĐCĐ/ Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ/ Tài liệu ĐHĐCĐ	TL
5	A	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có cung cấp thông tin về các ứng viên mới cho HĐQT và BKS (nếu có) (tối thiểu: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DNNY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ không?	Điều 11 NĐ71	Tài liệu ĐHĐCĐ	TT
6	A	Công ty có áp dụng và công bố cụ thể trong biên bản ĐHĐCĐ các công nghệ thông tin hiện đại cho phép cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?	Điều 140, Khoản 2 Luật DN	Biên bản ĐHĐCĐ và Tài liệu ĐHĐCĐ	TL

7	A	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phân đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Điều 142 Luật DN	Biên bản ĐHĐCĐ	TT
8	A	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 9.2.10	Biên bản ĐHĐCĐ	TL
9	A	Biên bản ĐHĐCĐ công bố danh sách thành viên HĐQT, BKS, TGD tham dự đại hội?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 9.2.10	Biên bản ĐHĐCĐ	TL
10	A	Công ty có tạo điều kiện cho cổ đông đóng góp ý kiến cho công ty (không bao gồm các ý kiến khiếu kiện) ngoài khuôn khổ các kỳ ĐHĐCĐ không (các hội nghị nhà đầu tư, các chương trình gặp gỡ..)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015); ACGS	Biên bản ĐHĐCĐ	TL
11	A	Công ty có thành lập bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) và có công bố chi tiết liên lạc của cán bộ/ bộ phận phụ trách IR không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015); ACGS	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TL
12	B	Công ty có công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C);	Tài liệu ĐHĐCĐ/ Website công ty/ Website SGĐCK, UBCKNN, VSD	TL
13	B	Danh sách các công ty ứng viên kiểm toán có được công bố công khai trong ĐHĐCĐ không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015); CG Code 7.6.1	Biên bản/ Nghị quyết ĐHĐCĐ	TL
14	C	Công ty có công bố báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội không?	TT155	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TT
15	C	Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, sản xuất cung ứng dịch vụ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 10.1	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TL
16	C	Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 10.1	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TL
17	C	Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A)	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TL
18	C	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)	Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV/ Website công ty	TL
19	C	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên và có nêu rõ kết quả đào tạo (ví dụ số giờ trung bình dành cho đào tạo)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)	Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV/ Website công ty	TL

20	C	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn không (hiệu quả tài chính và/ hoặc phi tài chính)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)	Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV/ Website công ty	TL
21	C	Công ty có ban hành Bộ quy tắc đạo đức/ quy tắc ứng xử yêu cầu tất cả lãnh đạo và nhân viên công ty phải tuân thủ và nêu rõ nếu vi phạm sẽ có hình thức xử lý?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 10.1	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TL
22	C	Công ty có xây dựng và công bố chính sách báo cáo sai phạm cho phép tất cả các bên liên quan có thể thực hiện báo cáo sai phạm không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 6.2	Quy chế QTCT/ Báo cáo thường niên/ Website công ty	TL
23	C	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/ hoặc khiếu kiện, báo cáo những sai phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (B):	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV	TL
24	D	Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành/ Tổng giám đốc không?	TT155	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
25	D	Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (B);	Website công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
26	D	Báo cáo thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty không (phân theo 4 tiêu chí: theo tỷ lệ sở hữu; cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác)?	TT155	Báo cáo thường niên	TT
27	D	Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị không?	TT155	Báo cáo thường niên	TT
28	D	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc Quản trị công ty; và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ thì có công bố và giải thích rõ lý do cho mỗi vấn đề đó không?	TT155	Báo cáo thường niên	TT
29	D	Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và Ban kiểm soát (nếu có) không?	TT155	Báo cáo thường niên	TT

30	D	Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên quản lý điều hành khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng, chi tiết tiền lương, thù lao cho từng người, trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không?	Điều 31 NĐ71	Nghị quyết, Biên bản ĐHCĐ và Báo cáo tài chính	TT
31	D	Công ty có công bố thông tin báo cáo thường niên đúng thời hạn theo quy định?	TT155	Website công ty/ Website SGDCK, UBCKNN, VSD	TT
32	D	Công ty có công bố thông tin báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn không?	Điều 30 NĐ 71, TT155	Website công ty/ Website SGDCK, UBCKNN, VSD	TT
33	D	Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Điều lệ công ty & Quy chế QTCT	TT155	Website công ty	TT
34	D	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT được công bố đầy đủ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C); Thông tư 155	Báo cáo tình hình QTCT/ Báo cáo thường niên	TT
35	E	HĐQT của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không?	Điều 13 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
36	E	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị nào đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 doanh nghiệp khác không?	Điều 12 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
37	E	Công ty đáp ứng thông lệ tốt là không có thành viên HĐQT là TGD đã từng tại vị trong thời gian 2 năm trước đây (kể từ đầu năm tài chính được đánh giá)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015); ACGS	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Website công ty	TL
38	E	Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty	Điều 13 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
39	E	Công ty có chính sách đảm bảo cân bằng giới trong HĐQT không?	Điều 13 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Báo cáo PTBV/ Website công ty	TL
40	E	Cơ cấu Hội đồng Quản trị thực tế có đảm bảo cân bằng giới không?	Điều 13 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
41	E	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới cao hơn mức cơ bản luật định gắn với chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 2.1	Tài liệu ĐHCĐ/ Website công ty/ Điều lệ công ty/ Báo cáo thường niên/ Quy chế QTCT	TL

42	E	Quy trình tìm kiếm, tuyển chọn, giới thiệu, đề cử nhân sự cho HĐQT có được công bố?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 2.1.5	Quy chế QTCT/ Điều lệ công ty/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
43	E	Thành viên Hội đồng quản trị có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty không?	TT155	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
44	E	HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách QTCT/ Thư ký công ty hay không?	Điều 32 TT95	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Website công ty/ Website SGĐCK, UBCKNN, VSD	TT
45	E	Trong năm Thư ký công ty/ Người phụ trách QTCT có tham dự khóa tập huấn về nội dung liên quan đến luật pháp, kế toán hoặc các nội dung bổ ích cho việc thực hành tốt vai trò, trách nhiệm của mình hay không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 2.3.4	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
46	E	Hội đồng quản trị có tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần, và mỗi thành viên tham gia tối thiểu 3/4 cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm?	Điều 30 TT95	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Tài liệu họp ĐHĐCĐ	TT
47	E	Thành viên không điều hành của HĐQT có họp tối thiểu 1 lần trong năm mà không có sự có mặt của các thành viên ban điều hành?	Nguyên tắc G20/OECD (2015); ACGS	Báo cáo của HĐQT/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
48	E	Báo cáo của HĐQT có bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của HĐQT trong quá trình xây dựng, theo dõi/ giám sát thực thi chiến lược của công ty?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 1.1.2	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Tài liệu ĐHĐCĐ	TL
49	E	Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trong năm có phải do thành viên độc lập đánh giá không?	Điều 16 NĐ71	Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Tài liệu ĐHĐCĐ	TT
50	E	Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT không?	Điều 9 NĐ71	Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Tài liệu ĐHĐCĐ	TT
51	E	Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm các kế hoạch trong tương lai?	Điều 9 NĐ71	Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Tài liệu ĐHĐCĐ	TT

52	E	Có bằng chứng cho thấy Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá Tổng giám đốc/ Giám đốc và Ban điều hành hàng năm hay không?	TT155	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/Tài liệu ĐHĐCĐ	TT
53	E	Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng giám đốc?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI; CG Code 3.5.1	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
54	E	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI; CG Code 3.5.1	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
55	E	Công ty có thành lập các ủy ban sau: Ủy ban nhân sự và Ủy ban lương thưởng không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
56	E	Hai ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban nhân sự, Ủy ban lương thưởng) có phải do thành viên độc lập làm Chủ tịch ủy ban không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
57	E	Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch ủy ban kiểm toán có chuyên môn/ kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính không?	Điều 20 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
58	E	Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có là thành viên độc lập?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI; CG Code 4.1.1	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL
59	E	Công ty có bộ phận Kiểm toán nội bộ không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI; CG Code 7.2	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT, Website công ty	TL
60	E	Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán có đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị và Ban điều hành không?	Điều 10 NĐ71	Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Tài liệu ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
61	E	Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán thực hiện đánh giá về công ty kiểm toán độc lập và báo cáo tài chính không?	Điều 10 NĐ71	Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Tài liệu ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
62	E	Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán có tổ chức họp ít nhất 2 lần trong năm vừa qua và sự tham gia của từng thành viên trong các cuộc họp có được công bố công khai?	Điều 23 NĐ 71	Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ/ Tài liệu ĐHĐCĐ/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TT
63	E	HĐQT có đánh giá và nêu phương án ứng phó kiểm soát rủi ro, và đảm bảo tuân thủ luật pháp trong năm hay không. Phát biểu đánh giá có tương đồng với các bằng chứng tương ứng không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 1.1	Báo cáo của HĐQT/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT	TL

64	E	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, kế toán, kiểm soát nội bộ, vận hành, công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 1.1.5	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Báo cáo PTBV	TL
65	A	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất bằng tiếng Anh.	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 9.4.3	Website công ty/ Website SGDCK, UBCKNN, VSD	(B)
66	A	Công ty có cơ chế cho cổ đông/ nhóm cổ đông nhỏ (từ 5% tổng số cổ phần biểu quyết trở xuống) có cơ hội đề xuất ứng cử viên HĐQT?	CG Code 2.1.6	Quy chế QTCT/ Điều lệ công ty/ Thông báo trên website công ty	(B)
67	C	Công ty có lập và công bố báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A);	Báo cáo PTBV/ Báo cáo thường niên/ Website công ty	(B)
68	D	Có bằng chứng cho thấy các hợp đồng dịch vụ mà kiểm toán độc lập cung cấp cho công ty vẫn đảm bảo tính độc lập của kiểm toán độc lập (thông qua đánh giá của BKS/ UBKT, thông qua các tuyên bố, hoặc thông qua mức phí tương đối của dịch vụ kiểm toán so với dịch vụ phi kiểm toán)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A); CG Code 7.6.3	Báo cáo của BKS hoặc UBKT/ Báo cáo tài chính/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Website công ty	(B)
69	E	HĐQT có tự đánh giá về việc đã, đang, và chuẩn bị áp dụng thực hiện Bộ nguyên tắc Quản trị công ty Việt Nam theo thông lệ tốt nhất (CG Code), và khi chưa sẵn sàng áp dụng thì có giải thích lý do vì sao?	CG Code	Báo cáo của HĐQT/ Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Website công ty	(B)
70	A	Thiếu bằng chứng cho thấy công ty có công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ kèm tài liệu họp hoặc nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ?	Khoản 1 Điều 139 Luật DN	Website công ty/ Website SGDCK/ Tài liệu ĐHĐCĐ	(P)
71	A	Thiếu bằng chứng cho thấy ĐHĐCĐ có thông qua thù lao, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (nếu có) không?	Khoản 2 Điều 158 Luật DN, Điều 167 Luật DN	Nghị quyết/ Biên bản ĐHĐCĐ	(P)
72	A	Thiếu bằng chứng cho thấy công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	TT155	Website công ty/ Website SGDCK, UBCKNN, VSD	(P)
73	B	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên công ty kể từ đầu năm tài chính đến nay?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 1.2.8	Website SGDCK, UBCKNN	(P)
74	B	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu kể từ đầu năm tài chính đến nay không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ; CG Code 9.5	Website SGDCK, UBCKNN	(P)

75	D	Công ty có bị SGDCK/ UBCKNN nhắc nhở, xử lý vi phạm liên quan đến CBTT hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác của công ty niêm yết hay không?	Điều 28 NĐ71	Website SGDCK, UBCKNN	(P)
76	D	Công ty có phát hành lại báo cáo tài chính kiểm toán trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán khách quan?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C)	Website SGDCK, UBCKNN	(P)
77	D	Công ty có người nội bộ vi phạm công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của công ty trong năm?	TT155	Website SGDCK, UBCKNN/ Website Công ty/ Báo cáo tình hình QTCT/ Báo cáo thường niên	(P)
78	D	Thiếu bằng chứng cho thấy công ty có công bố chi tiết tình hình tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm?	NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Báo cáo của HĐQT	(P)
79	E	Thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán có làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty không?	Điều 20 NĐ71	Báo cáo thường niên/ Báo cáo tình hình QTCT/ Báo cáo của BKS/ UBKT	(P)
80	E	Công ty có Chủ tịch/ TGD là thành viên nữ?	Nhu cầu thống kê của cơ quan quản lý		-
81	E	Số thành viên nữ/ Tổng số thành viên HĐQT của cty?	Nhu cầu thống kê của cơ quan quản lý		-

Ghi chú: TT: Tuân thủ
 TL: Thông lệ
 B: Điểm thưởng
 P: Điểm trừ